

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**TÍCH HỢP TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH
VÀO TÁC VỤ GIAO TIẾP ĐỂ PHÁT TRIỂN
KĨ NĂNG NÓI TIẾNG VIỆT****PHẠM HIỀN* - ĐỖ THỊ TIỂU YẾN****

TÓM TẮT: Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (gen-AI) đã mở ra nhiều khả năng mới cho dạy học ngoại ngữ, đặc biệt trong việc hỗ trợ môi trường học tập mang tính tương tác. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào kĩ năng viết hoặc học từ vựng, trong khi việc ứng dụng AI trong phát triển kĩ năng nói vẫn còn ít được nghiên cứu. Bài viết này đề xuất một mô hình tích hợp gen-AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp nhằm phát triển kĩ năng nói tiếng Việt cho người nước ngoài. Dựa trên nguyên lý của dạy học dựa trên nhiệm vụ (TBLT), mô hình tích hợp AI vào ba giai đoạn của nhiệm vụ giao tiếp, góp phần mở rộng cơ hội luyện nói và tương tác trong lớp học.

TỪ KHÓA: Trí tuệ nhân tạo tạo sinh; dạy học dựa trên nhiệm vụ; phát triển kĩ năng nói; tiếng Việt như ngoại ngữ; nhiệm vụ giao tiếp.

NHẬN BÀI: 17/04/2026. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 15/06/2026

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là các hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative Artificial Intelligence; Gen-AI), đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, bao gồm cả giáo dục. Các mô hình ngôn ngữ lớn có khả năng xử lý và tạo ra ngôn ngữ tự nhiên với mức độ linh hoạt ngày càng cao, cho phép chúng được ứng dụng trong nhiều hoạt động học tập như tạo nội dung, hỗ trợ luyện tập ngôn ngữ và cung cấp phản hồi cho người học (Law, 2024; Li et al., 2024). Trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ, những công cụ như ChatGPT và các hệ thống AI tương tự đã mở ra nhiều khả năng mới trong việc hỗ trợ người học thông qua các tương tác ngôn ngữ gần với giao tiếp tự nhiên (Law, 2024).

Các nghiên cứu gần đây cho thấy trí tuệ nhân tạo có thể đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ tiềm năng trong dạy và học ngoại ngữ. Nhờ khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên, các hệ thống AI có thể tạo ra các môi trường học tập mang tính tương tác cao, cung cấp phản hồi ngôn ngữ theo thời gian thực và hỗ trợ người học luyện tập ngôn ngữ một cách linh hoạt. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với các kĩ năng giao tiếp nói chung, vốn đòi hỏi nhiều cơ hội luyện tập và tương tác để phát triển năng lực giao tiếp (Li et al., 2024; Law, 2024). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu về ứng dụng AI trong giáo dục ngôn ngữ hiện nay vẫn tập trung chủ yếu vào các hoạt động liên quan đến kĩ năng viết, chỉnh sửa văn bản hoặc học từ vựng. Trong nhiều trường hợp, AI được sử dụng như một công cụ hỗ trợ cá nhân cho người học, chẳng hạn như giúp tạo ý tưởng viết hoặc cung cấp phản hồi về ngữ pháp.

Trong khi đó, các nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng từ lâu đã nhấn mạnh rằng việc phát triển kĩ năng nói cần được đặt trong các hoạt động giao tiếp có ý nghĩa. Một trong những cách tiếp

*PGS.TS; Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Email: hienp@hau.edu.vn

**Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp; Email: dttyen@uneti.edu.vn

cận được sử dụng rộng rãi trong giảng dạy ngoại ngữ là dạy học dựa trên nhiệm vụ (Task-Based Language Teaching; TBLT), trong đó người học sử dụng ngôn ngữ để thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp cụ thể như trao đổi thông tin, thảo luận hoặc giải quyết vấn đề (Ellis, 2003; Willis, 1996). Cách tiếp cận này giúp tạo ra môi trường học tập gần với giao tiếp thực tế và khuyến khích người học sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp đa dạng. Tuy nhiên, việc kết hợp các công nghệ AI với thiết kế nhiệm vụ giao tiếp theo hướng TBLT vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, đặc biệt trong các bối cảnh dạy học các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh.

Đối với việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, vấn đề phát triển kỹ năng nói càng có ý nghĩa quan trọng. Tiếng Việt không chỉ có những đặc điểm ngữ âm đặc thù như hệ thống thanh điệu mà còn có nhiều yếu tố ngữ dụng gắn với văn hóa giao tiếp, chẳng hạn như hệ thống xưng hô phong phú và các biểu thức thể hiện thái độ trong giao tiếp. Những đặc điểm này khiến việc phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt trở thành một quá trình phức tạp, đòi hỏi người học phải có nhiều cơ hội thực hành trong các tình huống giao tiếp thực tế.

Mặc dù trí tuệ nhân tạo tạo sinh có tiềm năng hỗ trợ các hoạt động giao tiếp trong lớp học ngoại ngữ, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tiếp cận AI như một công cụ hỗ trợ độc lập, thiếu sự tích hợp có hệ thống vào các mô hình sư phạm đã được kiểm chứng. Đặc biệt, việc kết nối Gen-AI với cấu trúc nhiệm vụ của dạy học dựa trên nhiệm vụ trong phát triển kỹ năng nói vẫn chưa được lý thuyết hóa rõ ràng. Khoảng trống này càng trở nên đáng chú ý trong bối cảnh dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, nơi các nghiên cứu về ứng dụng AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp còn rất hạn chế. Bài viết này đề xuất một mô hình tích hợp Gen-AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp theo hướng dạy học dựa trên nhiệm vụ nhằm hỗ trợ phát triển kỹ năng nói tiếng Việt cho người nước ngoài. Thông qua việc phân tích vai trò của AI trong từng giai đoạn của nhiệm vụ giao tiếp, nghiên cứu góp phần làm rõ tiềm năng của công nghệ AI trong việc mở rộng môi trường giao tiếp và nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài trong bối cảnh giáo dục số hiện nay.

Nghiên cứu này góp phần thu hẹp khoảng cách giữa tiềm năng công nghệ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh và việc vận dụng các mô hình sư phạm dựa trên nhiệm vụ trong dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Trí tuệ nhân tạo trong dạy và học ngôn ngữ

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn, đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ. Nhờ vào khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên, các hệ thống AI có thể tạo ra văn bản, đối thoại và phản hồi ngôn ngữ với mức độ linh hoạt cao, từ đó mở rộng đáng kể các hình thức hỗ trợ học tập. Các công cụ như ChatGPT cho phép người học tương tác với hệ thống thông qua các tình huống ngôn ngữ gần với giao tiếp tự nhiên, góp phần tạo ra môi trường học tập mang tính tương tác (Law, 2024; Li et al., 2024; Stockwell, 2024).

Các nghiên cứu gần đây cho thấy AI có thể hỗ trợ nhiều khía cạnh của quá trình học ngoại ngữ, bao gồm tạo nội dung, cung cấp phản hồi, hỗ trợ luyện tập và cá nhân hóa trải nghiệm học tập (Law, 2024; Li et al., 2024; Stockwell, 2024). Đặc biệt, khả năng cung cấp phản hồi tức thời và liên tục giúp người học có cơ hội điều chỉnh việc sử dụng ngôn ngữ trong quá trình học. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu khai thác AI như một công cụ hỗ trợ ở cấp độ cá nhân, tập trung vào các kỹ năng như viết, ngữ pháp hoặc từ vựng (Law, 2024). Điều này cho thấy việc ứng dụng AI trong các hoạt động giao tiếp mang tính tương tác, đặc biệt là kỹ năng nói, vẫn chưa được khai thác đầy đủ.

Quan trọng hơn, các nghiên cứu về AI trong giáo dục ngôn ngữ thường tiếp cận công nghệ như một công cụ độc lập, thiếu sự liên kết với các khung sư phạm cụ thể. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu

cũng chỉ ra rằng tương tác với AI có thể còn hạn chế về chiều sâu tương tác và tính tự nhiên trong một số trường hợp, đặc biệt trong các tình huống giao tiếp phức tạp (Hellmich et al., 2024). Do đó, mặc dù AI mang lại nhiều khả năng mới, việc tích hợp công nghệ này vào các mô hình dạy học có cấu trúc vẫn còn là một thách thức cần được nghiên cứu sâu hơn.

2.2. Gen-AI và các công cụ hội thoại trong học ngoại ngữ

Một hướng nghiên cứu nổi bật là việc sử dụng các hệ thống hội thoại dựa trên AI (AI-driven chatbots) trong dạy học ngoại ngữ. Các hệ thống này có thể mô phỏng các tình huống giao tiếp và đóng vai trò như một đối tác hội thoại, cho phép người học thực hành ngôn ngữ trong môi trường tương tác. Nghiên cứu cho thấy các chatbot có thể góp phần nâng cao động lực học tập và tạo ra nhiều cơ hội thực hành ngôn ngữ liên tục cho người học (Li et al., 2024; Law, 2024).

Tuy nhiên, các nghiên cứu thực nghiệm hiện nay cho thấy hiệu quả của chatbot chủ yếu được ghi nhận trong các hoạt động liên quan đến từ vựng, ngữ pháp và viết, trong khi tác động đối với phát triển năng lực giao tiếp thực sự, đặc biệt là kỹ năng nói, vẫn chưa được làm rõ. Một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các tương tác với chatbot thường mang tính dự đoán cao và thiếu sự đa dạng ngữ dụng, điều này có thể hạn chế khả năng phát triển năng lực giao tiếp thực tế của người học.

Bên cạnh đó, phần lớn các hệ thống chatbot hiện nay được sử dụng như công cụ luyện tập bổ trợ, chưa được tích hợp vào các hoạt động học tập có cấu trúc rõ ràng. Điều này cho thấy một hạn chế quan trọng của các nghiên cứu hiện tại: mặc dù AI có khả năng mô phỏng tương tác, việc khai thác tiềm năng này trong các hoạt động giao tiếp mang tính sư phạm vẫn chưa được phát triển một cách hệ thống. Do đó, cần có các cách tiếp cận kết hợp công nghệ AI với các mô hình dạy học nhằm tối ưu hóa vai trò của tương tác trong quá trình học ngoại ngữ.

2.3. Dạy học dựa trên nhiệm vụ và phát triển kỹ năng nói

Trong ngôn ngữ học ứng dụng, dạy học dựa trên nhiệm vụ được xem là một trong những cách tiếp cận được ghi nhận là hiệu quả nhằm phát triển năng lực giao tiếp của người học (Hashemi et al., 2012). TBLT nhấn mạnh việc sử dụng các nhiệm vụ giao tiếp có ý nghĩa, trong đó người học sử dụng ngôn ngữ để đạt được mục tiêu cụ thể trong các tình huống gần với thực tế (Willis, 1996; Ellis, 2003; Bygate & Samuda, 2008; Ahmadian, 2016).

Một đặc điểm quan trọng của TBLT là cấu trúc nhiệm vụ gồm ba giai đoạn: chuẩn bị (pre-task), thực hiện nhiệm vụ (task cycle) và tập trung vào ngôn ngữ (language focus). Cấu trúc này không chỉ tạo điều kiện cho người học sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên mà còn cho phép kết hợp giữa giao tiếp và chú ý đến hình thức ngôn ngữ.

Từ góc độ lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ, TBLT có liên hệ chặt chẽ với giả thuyết tương tác (interaction hypothesis) và giả thuyết đầu ra (output hypothesis), nhấn mạnh vai trò của việc sử dụng ngôn ngữ trong quá trình thương lượng nghĩa và sản sinh ngôn ngữ (Long, 1983, p.131; Ellis, 2008, tr.223). Điều này cho thấy tiềm năng của việc kết hợp AI với TBLT nhằm mở rộng môi trường tương tác cho người học.

Trong những năm gần đây, một số nghiên cứu bắt đầu khám phá khả năng kết hợp AI với TBLT nhằm tăng cường hiệu quả của các hoạt động giao tiếp. Tuy nhiên, các nghiên cứu này vẫn còn rời rạc và chủ yếu tập trung vào việc sử dụng công cụ AI để hỗ trợ từng giai đoạn riêng lẻ của nhiệm vụ. Việc tích hợp AI một cách có hệ thống vào toàn bộ cấu trúc nhiệm vụ của TBLT vẫn chưa được lý thuyết hóa đầy đủ, đặc biệt trong việc phát triển kỹ năng nói.

2.4. Nghiên cứu về AI trong dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

So với các nghiên cứu về dạy tiếng Anh, lĩnh vực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy tiếng Việt cho người nước ngoài có thể được xem là vẫn đang ở giai đoạn khởi đầu. Các tổng quan gần đây về

AI trong giáo dục ngôn ngữ cho thấy phần lớn các nghiên cứu hiện nay tập trung vào các ngôn ngữ phổ biến, đặc biệt là tiếng Anh, với các hướng chính như hỗ trợ viết, cung cấp phản hồi và phát triển từ vựng (Law, 2024; Li et al., 2024). Trong khi đó, các nghiên cứu về các ngôn ngữ ít phổ biến, bao gồm tiếng Việt, còn tương đối hạn chế và chủ yếu dừng ở việc thảo luận tiềm năng hoặc khảo sát trải nghiệm người học, thay vì xây dựng và kiểm chứng các mô hình sư phạm tích hợp.

Bên cạnh khoảng trống về nghiên cứu, đặc điểm ngôn ngữ và ngữ dụng của tiếng Việt cũng đặt ra những yêu cầu riêng đối với việc thiết kế hoạt động phát triển kỹ năng nói. Từ góc độ ngôn ngữ học, tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập với hệ thống thanh điệu đóng vai trò phân biệt nghĩa từ vựng, trong khi việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp chịu ảnh hưởng mạnh của các yếu tố ngữ cảnh và quan hệ xã hội. Những đặc điểm này cho thấy việc phát triển năng lực giao tiếp không chỉ liên quan đến độ chính xác ngữ pháp, mà còn gắn với khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp trong các tình huống cụ thể, phù hợp với quan điểm về năng lực giao tiếp trong ngôn ngữ học ứng dụng (Canale & Swain, 1980; Ellis, 2008).

Từ góc độ sư phạm, điều này hàm ý rằng các hoạt động phát triển kỹ năng nói cần được thiết kế theo hướng tạo ra các tình huống giao tiếp có ý nghĩa, cho phép người học tham gia vào quá trình tương tác, thương lượng nghĩa và điều chỉnh diễn đạt. Đây cũng là nguyên lý cốt lõi của dạy học dựa trên nhiệm vụ (Ellis, 2003; Willis, 1996), trong đó ngôn ngữ được sử dụng như một phương tiện để đạt được mục tiêu giao tiếp, thay vì chỉ là đối tượng luyện tập hình thức. Trong bối cảnh đó, việc tích hợp Gen-AI vào thiết kế nhiệm vụ giao tiếp cần được xem xét không chỉ như một giải pháp công nghệ, mà như một thành tố có thể mở rộng môi trường tương tác và hỗ trợ các quá trình giao tiếp cốt lõi trong học ngoại ngữ.

Cần lưu ý rằng nhận định về mức độ hạn chế của các nghiên cứu liên quan đến tiếng Việt trong bối cảnh này được rút ra trên cơ sở đối chiếu các tổng quan nghiên cứu quốc tế về AI trong dạy học ngoại ngữ, trong đó tiếng Việt hầu như không xuất hiện như một đối tượng nghiên cứu độc lập, qua đó phản ánh khoảng trống tương đối trong lĩnh vực này.

2.5. Khoảng trống nghiên cứu

Từ các nghiên cứu trên có thể thấy rằng trí tuệ nhân tạo đang mở ra nhiều khả năng mới cho việc dạy và học ngoại ngữ. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số khoảng trống nghiên cứu quan trọng. Thứ nhất, phần lớn các nghiên cứu hiện nay tập trung vào các kỹ năng như viết hoặc từ vựng, trong khi các nghiên cứu về phát triển kỹ năng nói còn rất hạn chế. Thứ hai, các nghiên cứu tích hợp AI với phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ chủ yếu tập trung trong bối cảnh dạy tiếng Anh, chưa được mở rộng sang các ngôn ngữ khác.

Quan trọng hơn, việc tích hợp Gen-AI vào cấu trúc nhiệm vụ giao tiếp theo hướng TBLT vẫn chưa được xây dựng thành một khung lý thuyết rõ ràng. Khoảng trống này đặc biệt rõ trong bối cảnh dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, nơi các nghiên cứu về việc sử dụng AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp nhằm phát triển kỹ năng nói còn rất hạn chế. Do đó, việc đề xuất một mô hình tích hợp Gen-AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp không chỉ góp phần bổ sung khoảng trống lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn đối với việc đổi mới dạy học tiếng Việt trong bối cảnh công nghệ số.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện theo hướng tiếp cận định tính, thuộc loại hình nghiên cứu lý thuyết, nhằm xây dựng một mô hình sư phạm tích hợp trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp để phát triển kỹ năng nói tiếng Việt cho người nước ngoài. Khác với các nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu không thu thập dữ liệu từ người học mà tập trung vào việc tổng hợp, phân tích và tái cấu trúc các cơ sở lý thuyết và kết quả nghiên cứu hiện có.

Cụ thể, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu để xem xét các công trình nghiên cứu quốc tế liên quan đến hai lĩnh vực chính: (i) ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là Gen-AI, trong dạy học ngoại ngữ và (ii) dạy học dựa trên nhiệm vụ (Task-Based Language Teaching - TBLT) trong phát triển kỹ năng nói. Các tài liệu được lựa chọn dựa trên tiêu chí tính cập nhật, độ tin cậy học thuật và mức độ liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

Trên cơ sở tổng hợp tài liệu, nghiên cứu tiến hành phân tích các đặc điểm cốt lõi của Gen-AI, đặc biệt là khả năng tạo ngôn ngữ, mô phỏng tương tác và cung cấp phản hồi, đồng thời đối chiếu với cấu trúc nhiệm vụ trong TBLT, bao gồm các giai đoạn chuẩn bị (pre-task), thực hiện nhiệm vụ (task cycle) và tập trung vào ngôn ngữ (language focus). Quá trình đối chiếu này nhằm xác định các điểm tương thích và khả năng tích hợp giữa công nghệ AI và khung sư phạm TBLT trong phát triển kỹ năng nói.

Quy trình nghiên cứu được triển khai qua ba bước chính. Thứ nhất, tổng hợp và phân tích các nghiên cứu liên quan nhằm xác định xu hướng và khoảng trống nghiên cứu trong lĩnh vực ứng dụng AI trong dạy học ngoại ngữ. Thứ hai, xây dựng khung lý thuyết tích hợp giữa Gen-AI và TBLT dựa trên các nguyên lý của ngôn ngữ học ứng dụng. Thứ ba, đề xuất một mô hình sư phạm tích hợp và minh họa thông qua các nhiệm vụ giao tiếp cụ thể trong bối cảnh dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Cách tiếp cận này cho phép nghiên cứu đóng góp ở cấp độ lý luận thông qua việc đề xuất một mô hình tích hợp mới, đồng thời cung cấp cơ sở cho các nghiên cứu thực nghiệm trong tương lai nhằm kiểm chứng hiệu quả của mô hình trong thực tiễn giảng dạy.

4. Khung lý thuyết: Trí tuệ nhân tạo tạo sinh và dạy học dựa trên nhiệm vụ trong phát triển kỹ năng nói

4.1. Kỹ năng nói và năng lực giao tiếp trong học ngoại ngữ

Trong ngôn ngữ học ứng dụng, kỹ năng nói thường được xem là một trong những kỹ năng phức tạp nhất trong quá trình học ngoại ngữ, bởi nó đòi hỏi sự phối hợp đồng thời giữa nhiều thành tố của năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp. Theo Canale và Swain (1980), năng lực giao tiếp bao gồm năng lực ngữ pháp, năng lực ngữ dụng, năng lực diễn ngôn và năng lực chiến lược. Trong quá trình giao tiếp, người học không chỉ cần sử dụng đúng các cấu trúc ngôn ngữ mà còn phải lựa chọn cách diễn đạt phù hợp với ngữ cảnh xã hội và mục đích giao tiếp.

Từ góc độ tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, kỹ năng nói không chỉ là kết quả của việc tích lũy tri thức ngôn ngữ mà còn gắn chặt với quá trình tương tác và thương lượng nghĩa trong giao tiếp (Ellis, 2008). Điều này cho thấy việc phát triển kỹ năng nói đòi hỏi các môi trường học tập có khả năng tạo ra cơ hội tương tác thường xuyên, có ý nghĩa và gần với tình huống sử dụng ngôn ngữ thực tế.

Đối với người học ngoại ngữ, việc phát triển kỹ năng nói thường gặp nhiều trở ngại do hạn chế về vốn từ, cấu trúc ngôn ngữ và kinh nghiệm giao tiếp. Bên cạnh đó, các yếu tố tâm lý như lo âu khi nói cũng có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học. Vì vậy, nhiều nghiên cứu trong giảng dạy ngoại ngữ nhấn mạnh rằng môi trường học tập cần tạo điều kiện để người học được thực hành ngôn ngữ trong các bối cảnh giao tiếp có mục đích.

Trong bối cảnh dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, việc phát triển kỹ năng nói càng có ý nghĩa đặc biệt. Giao tiếp bằng tiếng Việt không chỉ liên quan đến cấu trúc ngôn ngữ mà còn gắn với các yếu tố văn hóa và ngữ dụng như thanh điệu, hệ thống xưng hô, mức độ lịch sự và biểu thức tình thái. Do đó, việc phát triển kỹ năng nói tiếng Việt cần được đặt trong các bối cảnh giao tiếp cụ thể để người học có thể hiểu và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh.

4.2. Dạy học dựa trên nhiệm vụ trong phát triển kỹ năng nói

Trong các cách tiếp cận giảng dạy ngoại ngữ hiện nay, dạy học dựa trên nhiệm vụ (Task-Based Language Teaching - TBLT) được xem là một trong những hướng tiếp cận hiệu quả nhằm phát triển năng lực giao tiếp của người học. Khác với các phương pháp truyền thống tập trung vào việc giảng giải và luyện tập cấu trúc ngôn ngữ, TBLT nhấn mạnh việc sử dụng ngôn ngữ trong các hoạt động giao tiếp có mục đích.

Theo Ellis (2003), nhiệm vụ trong dạy học ngoại ngữ là một hoạt động trong đó người học sử dụng ngôn ngữ nhằm đạt được một mục tiêu giao tiếp cụ thể, chẳng hạn như trao đổi thông tin, giải quyết vấn đề hoặc đưa ra quyết định. Ở đây, trọng tâm của người học là ý nghĩa của thông điệp và mục tiêu giao tiếp, chứ không chỉ là tái hiện chính xác các cấu trúc đã học. Chính đặc điểm này khiến TBLT đặc biệt phù hợp với phát triển kỹ năng nói.

Một đặc điểm quan trọng của TBLT là việc tổ chức hoạt động học tập theo các giai đoạn tương đối rõ ràng. Willis (1996) đề xuất mô hình ba giai đoạn gồm: chuẩn bị (pre-task), thực hiện nhiệm vụ (task cycle) và tập trung vào ngôn ngữ (language focus). Trong giai đoạn chuẩn bị, giáo viên giới thiệu chủ đề, tạo bối cảnh và cung cấp nguồn ngôn ngữ cần thiết. Trong giai đoạn thực hiện nhiệm vụ, người học sử dụng ngôn ngữ để hoàn thành hoạt động giao tiếp. Sau đó, ở giai đoạn tập trung vào ngôn ngữ, giáo viên và người học cùng xem xét các đặc điểm ngôn ngữ xuất hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Từ góc độ lý thuyết, TBLT phù hợp với phát triển kỹ năng nói vì đặt người học vào các tình huống cần sử dụng ngôn ngữ để đạt mục tiêu giao tiếp thực sự. Cấu trúc này tạo điều kiện cho người học tham gia vào tương tác, thương lượng nghĩa và điều chỉnh cách diễn đạt trong quá trình giao tiếp. Nói cách khác, kỹ năng nói không được hình thành đơn thuần qua việc tiếp nhận đầu vào ngôn ngữ, mà được phát triển thông qua việc sử dụng ngôn ngữ để hoàn thành các nhiệm vụ có ý nghĩa.

4.3. Tiềm năng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong hỗ trợ hoạt động giao tiếp

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Gen-AI) đã mở ra nhiều khả năng mới cho việc thiết kế hoạt động học tập trong dạy học ngoại ngữ. Các hệ thống AI dựa trên mô hình ngôn ngữ lớn có khả năng tạo ra văn bản, đối thoại và phản hồi ngôn ngữ với tốc độ nhanh và mức độ linh hoạt cao, nhờ đó có thể được sử dụng để mô phỏng các tình huống giao tiếp trong lớp học.

Một ưu điểm nổi bật của Gen-AI là khả năng cung cấp phản hồi ngôn ngữ theo thời gian thực. Điều này cho phép người học nhận được hỗ trợ ngay trong quá trình luyện tập, từ đó điều chỉnh cách diễn đạt của mình. Bên cạnh đó, AI cũng có thể hỗ trợ giáo viên tạo tài liệu học tập, xây dựng hội thoại mẫu, thiết kế tình huống giao tiếp và đa dạng hóa nguồn đầu vào ngôn ngữ.

Trong phát triển kỹ năng nói, Gen-AI có thể đóng vai trò như một đối tác giao tiếp hỗ trợ cho người học. Thông qua các hệ thống hội thoại, người học có thể thực hành ngôn ngữ trong các cuộc đối thoại mô phỏng, từ đó tăng cơ hội luyện nói và nâng cao mức độ tự tin khi sử dụng ngôn ngữ. AI cũng có thể hỗ trợ cá nhân hóa quá trình học tập bằng cách điều chỉnh chủ đề, mức độ khó và dạng phản hồi phù hợp với trình độ của từng người học.

Tuy nhiên, tiềm năng của Gen-AI không tự động chuyển hóa thành hiệu quả sư phạm. Phản hồi của AI có thể chưa hoàn toàn chính xác hoặc chưa phù hợp với bối cảnh ngữ dụng cụ thể. Vì vậy, xét từ góc độ lý thuyết, Gen-AI chỉ thực sự có giá trị đối với phát triển kỹ năng nói khi được đặt trong một khung sư phạm có cấu trúc, nơi vai trò của công nghệ được xác định rõ và được điều phối bởi giáo viên.

Từ góc độ lý thuyết, việc tích hợp Gen-AI vào dạy học dựa trên nhiệm vụ có thể được hiểu như sự mở rộng các điều kiện tương tác và cơ chế phản hồi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Nếu trong

mô hình TBLT truyền thống, tương tác chủ yếu diễn ra giữa người học với nhau hoặc với giáo viên, thì trong môi trường có sự hỗ trợ của AI, tương tác được mở rộng thông qua một đối tác giao tiếp trung gian có khả năng duy trì hội thoại và cung cấp phản hồi theo thời gian thực.

Sự mở rộng này không làm thay đổi bản chất của nhiệm vụ giao tiếp, mà bổ sung thêm các kênh tương tác và phản hồi, qua đó tăng mật độ sử dụng ngôn ngữ và cơ hội thương lượng nghĩa. Do đó, vai trò của Gen-AI có thể được khái niệm hóa không phải như một công cụ hỗ trợ bên ngoài, mà như một thành tố chức năng trong cấu trúc tương tác của nhiệm vụ.

4.4. Từ cơ sở lý thuyết đến nhu cầu xây dựng mô hình tích hợp

Những phân tích trên cho thấy ba điểm cốt lõi. Thứ nhất, phát triển kỹ năng nói đòi hỏi môi trường học tập có khả năng tạo ra tương tác và cơ hội sử dụng ngôn ngữ có ý nghĩa. Thứ hai, TBLT cung cấp một cấu trúc sư phạm phù hợp để tổ chức các hoạt động giao tiếp theo mục tiêu rõ ràng. Thứ ba, Gen-AI có tiềm năng mở rộng đầu vào ngôn ngữ, duy trì tương tác và hỗ trợ phản hồi trong quá trình học.

Tuy nhiên, từ cơ sở lý thuyết đến thực tiễn giảng dạy vẫn tồn tại một khoảng trống quan trọng: chưa có nhiều mô hình cụ thể chỉ ra cách tích hợp Gen-AI vào toàn bộ cấu trúc nhiệm vụ giao tiếp theo hướng TBLT, đặc biệt trong bối cảnh dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Nói cách khác, vấn đề không chỉ nằm ở việc AI có thể làm gì, mà quan trọng hơn là AI nên được đặt ở đâu, với vai trò gì và trong mối quan hệ nào với giáo viên, người học và nhiệm vụ giao tiếp.

Từ đó, cần xây dựng một mô hình tích hợp có khả năng kết nối giữa tiềm năng công nghệ của Gen-AI với các nguyên lý sư phạm của dạy học dựa trên nhiệm vụ. Mô hình này không chỉ đóng vai trò như một khung triển khai thực tiễn mà còn là sự cụ thể hóa ở cấp độ sư phạm của các luận điểm lý thuyết đã trình bày ở trên. Trên cơ sở đó, mục tiếp theo đề xuất mô hình tích hợp Gen-AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp nhằm phát triển kỹ năng nói tiếng Việt cho người nước ngoài.

5. Mô hình tích hợp Gen-AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp

5.1. Nguyên tắc xây dựng mô hình

Trên cơ sở khung lý thuyết đã trình bày ở mục 4, phần này đề xuất một mô hình sư phạm tích hợp Gen-AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp nhằm phát triển kỹ năng nói tiếng Việt cho người nước ngoài. Mô hình được xây dựng dựa trên ba nguyên tắc chính.

Thứ nhất, các nhiệm vụ giao tiếp phải hướng tới mục tiêu giao tiếp thực tế. Người học cần sử dụng tiếng Việt để đạt được một mục đích cụ thể, chẳng hạn như trao đổi thông tin, thương lượng, giải quyết vấn đề hoặc đưa ra quyết định. Nguyên tắc này bảo đảm rằng nhiệm vụ không chỉ là hoạt động luyện tập ngôn ngữ tách rời, mà là hoạt động sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh có ý nghĩa.

Thứ hai, việc sử dụng Gen-AI phải góp phần mở rộng cơ hội tương tác ngôn ngữ cho người học. Trong nhiều lớp học ngoại ngữ, thời lượng thực hành nói của từng cá nhân thường bị giới hạn. Vì vậy, AI được tích hợp như một công cụ nhằm tăng cường đầu vào ngôn ngữ, duy trì tương tác và hỗ trợ người học thực hành nhiều hơn trong các tình huống giao tiếp đa dạng.

Thứ ba, AI phải được tích hợp theo hướng hỗ trợ quá trình học tập, không thay thế vai trò của giáo viên. Giáo viên vẫn là người thiết kế nhiệm vụ, lựa chọn mục tiêu học tập, định hướng tương tác và đánh giá kết quả. Trong mô hình này, công nghệ chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt trong một khung sư phạm rõ ràng và được điều phối bởi giáo viên.

Từ ba nguyên tắc trên, mô hình được xây dựng theo cấu trúc ba giai đoạn tương ứng với TBLT: chuẩn bị nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ và tập trung vào ngôn ngữ. Gen-AI được tích hợp vào từng giai đoạn với vai trò khác nhau nhưng có liên kết chặt chẽ trong một tiến trình thống nhất.

5.2. Cấu trúc của mô hình tích hợp Gen-AI trong nhiệm vụ giao tiếp

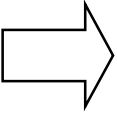
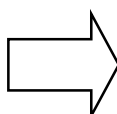
Khác với các cách tiếp cận trước đây trong dạy học ngoại ngữ có sử dụng công nghệ, AI thường được xem như một công cụ hỗ trợ tạo nội dung hoặc luyện tập cá nhân, mô hình được đề xuất trong nghiên cứu này khái niệm hóa Gen-AI như một tác nhân tương tác (interactional agent) được tích hợp trực tiếp vào tiến trình nhiệm vụ giao tiếp.

Trong mô hình này, AI không chỉ cung cấp đầu vào ngôn ngữ, mà còn tham gia vào việc duy trì tương tác và hỗ trợ phản hồi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Điều này dẫn đến sự chuyển dịch vai trò của công nghệ, từ một phương tiện hỗ trợ sang một thành tố có chức năng trong cấu trúc sư phạm của nhiệm vụ.

Nghiên cứu này đề xuất một mô hình sư phạm tích hợp trí tuệ nhân tạo tạo sinh vào cấu trúc nhiệm vụ giao tiếp theo hướng dạy học dựa trên nhiệm vụ nhằm hỗ trợ phát triển kỹ năng nói. Về mặt lý thuyết, mô hình này dựa trên sự kết hợp giữa cấu trúc nhiệm vụ của TBLT và khả năng tạo tương tác của Gen-AI. Trong mô hình này, AI được sử dụng để mở rộng đầu vào ngôn ngữ, duy trì tương tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ người học chú ý đến hình thức ngôn ngữ sau giao tiếp. Như vậy, AI không thay thế vai trò của giáo viên mà được tích hợp như một công cụ hỗ trợ trong một khung sư phạm có cấu trúc rõ ràng.

Hình 1. Mô hình tích hợp trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong dạy học dựa trên nhiệm vụ nhằm phát triển kỹ năng nói

GEN-AI + TBLT SPEAKING MODEL

Giai đoạn 1 Pre-task Chuẩn bị nhiệm vụ - AI tạo bối cảnh - AI cung cấp hội thoại - AI gợi ý từ vựng		Giai đoạn 2 Task cycle Thực hiện nhiệm vụ - Người học giao tiếp - AI mô phỏng đối thoại - AI tạo tình huống mới		Giai đoạn 3 Language focus Phản hồi ngôn ngữ - AI phân tích lỗi - AI gợi ý cách diễn đạt - Giáo viên điều chỉnh
---	---	---	--	---

Như thể hiện trong Hình 1, Gen-AI được tích hợp vào ba giai đoạn của nhiệm vụ giao tiếp nhằm hỗ trợ đầu vào ngôn ngữ, duy trì tương tác và cung cấp phản hồi ngôn ngữ trong quá trình phát triển kỹ năng nói.

Cấu trúc của mô hình gồm ba giai đoạn có quan hệ kế tiếp và tương hỗ. Ở giai đoạn chuẩn bị, AI hỗ trợ tạo ngữ cảnh, hội thoại mẫu và nguồn đầu vào ngôn ngữ. Ở giai đoạn thực hiện nhiệm vụ, AI tham gia như một đối tác giao tiếp hỗ trợ, góp phần duy trì tương tác và tạo thêm cơ hội thực hành ngôn ngữ. Ở giai đoạn tập trung vào ngôn ngữ, AI hỗ trợ phản hồi, phân tích lỗi và gợi ý mở rộng diễn đạt, trong khi giáo viên giữ vai trò kiểm soát chất lượng và định hướng sử dụng ngôn ngữ phù hợp.

So với các cách tiếp cận sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ riêng lẻ, mô hình này nhấn mạnh việc tích hợp Gen-AI vào toàn bộ cấu trúc nhiệm vụ giao tiếp. Đây chính là điểm khác biệt cốt lõi của mô hình: AI không tồn tại bên ngoài nhiệm vụ mà trở thành một thành tố được tổ chức trong tiến trình sư phạm.

5.3. Vai trò của Gen-AI trong từng giai đoạn của nhiệm vụ

5.3.1. Giai đoạn chuẩn bị nhiệm vụ

Trong giai đoạn chuẩn bị nhiệm vụ, Gen-AI có thể hỗ trợ giáo viên tạo ra các bối cảnh giao tiếp phù hợp với chủ đề của bài học. Chẳng hạn, AI có thể được sử dụng để tạo hội thoại mẫu, tình huống giao tiếp, câu hỏi gợi ý hoặc danh mục từ vựng và cấu trúc cần thiết cho nhiệm vụ. Nhờ đó, giáo viên có thể xây dựng đầu vào ngôn ngữ phong phú và đa dạng hơn so với việc chỉ dựa vào tài liệu có sẵn.

Việc sử dụng AI trong giai đoạn này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian thiết kế tài liệu mà còn tạo ra nhiều khả năng linh hoạt trong việc điều chỉnh nội dung theo chủ đề và trình độ của người học. Đồng thời, việc đa dạng hóa đầu vào ngôn ngữ ở giai đoạn chuẩn bị giúp người học có nền tảng ngôn ngữ và ngữ dụng tốt hơn trước khi bước vào tương tác.

Trong dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, giai đoạn này đặc biệt quan trọng vì người học không chỉ cần chuẩn bị về từ vựng và cấu trúc mà còn cần làm quen với các yếu tố ngữ dụng như cách xưng hô, mức độ lịch sự, tiểu từ tình thái và các biểu thức giao tiếp phù hợp với bối cảnh văn hóa.

5.3.2. Giai đoạn thực hiện nhiệm vụ

Giai đoạn thực hiện nhiệm vụ là phần trung tâm của hoạt động giao tiếp, trong đó người học sử dụng ngôn ngữ để hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể. Trong mô hình đề xuất, Gen-AI có thể được sử dụng để tạo ra các tình huống giao tiếp mở hoặc đóng vai trò như một đối tác hội thoại cho người học. Ví dụ, AI có thể mô phỏng vai trò của người bán hàng, nhân viên khách sạn, người phỏng vấn hoặc người cung cấp thông tin trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

Việc tích hợp AI ở giai đoạn này giúp mở rộng môi trường giao tiếp của lớp học, bởi người học có thể thực hành hội thoại nhiều lần với các tình huống khác nhau mà không hoàn toàn phụ thuộc vào thời lượng tương tác trực tiếp với giáo viên hoặc bạn học. Quan trọng hơn, người học được đặt vào quá trình sử dụng ngôn ngữ để đạt mục tiêu giao tiếp, thay vì chỉ lặp lại các cấu trúc đã học. Qua đó, nhiệm vụ giao tiếp trở thành không gian để người học thương lượng nghĩa, điều chỉnh diễn đạt và phát triển khả năng tương tác thực tế.

Tuy nhiên, AI trong giai đoạn này chỉ nên được xem là một đối tác giao tiếp hỗ trợ. Giáo viên vẫn cần kiểm soát mức độ phù hợp của tình huống giao tiếp, mức độ khó của nhiệm vụ và cách thức kết nối hoạt động với mục tiêu học tập chung của bài học.

5.3.3. Giai đoạn tập trung vào ngôn ngữ

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ giao tiếp, giai đoạn tập trung vào ngôn ngữ nhằm giúp người học nhận ra các đặc điểm ngôn ngữ xuất hiện trong quá trình tương tác và điều chỉnh cách sử dụng ngôn ngữ của mình. Trong giai đoạn này, Gen-AI có thể hỗ trợ phân tích lỗi, gợi ý các cách diễn đạt tự nhiên hơn, đề xuất cấu trúc câu phù hợp với ngữ cảnh hoặc cung cấp các biến thể biểu đạt.

Vai trò của AI ở đây không chỉ là “sửa lỗi” theo nghĩa hẹp, mà còn hỗ trợ người học chú ý đến hình thức ngôn ngữ trên cơ sở trải nghiệm giao tiếp thực tế vừa diễn ra. Điều này giúp người học liên kết giữa hành động giao tiếp và sự lựa chọn ngôn ngữ, thay vì tiếp cận ngữ pháp và từ vựng như những đơn vị tách rời.

Dù vậy, phản hồi của AI cần được giáo viên xem xét, chọn lọc và điều chỉnh để bảo đảm tính chính xác, tính phù hợp ngữ dụng và mức độ tương thích với mục tiêu của bài học. Trong giai đoạn này, vai trò của giáo viên đặc biệt quan trọng ở phương diện diễn giải, chuẩn hóa và định hướng việc vận dụng ngôn ngữ của người học.

Xét tổng thể, vai trò của Gen-AI trong mô hình có thể được phân thành ba chức năng chính: (i) mở rộng đầu vào ngôn ngữ, (ii) duy trì tương tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, và (iii) hỗ trợ

phản hồi sau giao tiếp. Ba chức năng này tương ứng với ba giai đoạn của TBLT và tạo thành một hệ thống hỗ trợ liên tục trong quá trình phát triển kỹ năng nói.

5.4. Ví dụ minh họa về nhiệm vụ giao tiếp có sử dụng AI

Để minh họa cho việc triển khai mô hình trong thực tiễn, phần này trình bày một nhiệm vụ giao tiếp cụ thể trong chủ đề “Mua sắm tại chợ”.

Chủ đề nhiệm vụ: Mua hàng tại chợ Việt Nam. Mục tiêu giao tiếp: Người học có thể hỏi giá, thương lượng và mua một món hàng bằng tiếng Việt trong bối cảnh giao tiếp đời thường.

Ở giai đoạn chuẩn bị, AI có thể tạo một đoạn hội thoại mẫu giữa người mua và người bán, trong đó xuất hiện các biểu thức thường dùng như: “Cái này bao nhiêu tiền?”, “Bớt một chút được không?”, “Cho tôi hai cái”. Giáo viên sử dụng đoạn hội thoại này để giới thiệu từ vựng, cấu trúc giao tiếp và các yếu tố ngữ dụng như cách xưng hô hoặc mức độ lịch sự.

Ở giai đoạn thực hiện nhiệm vụ, người học làm việc theo cặp hoặc theo nhóm. Một người đóng vai người bán, một người đóng vai người mua. AI có thể cung cấp các thông tin khác nhau về sản phẩm, giá cả hoặc bối cảnh mua bán cho từng người học, từ đó tạo ra tình huống khoảng trống thông tin. Người học cần trao đổi thông tin bằng tiếng Việt để hoàn thành nhiệm vụ mua bán.

Ở giai đoạn tập trung vào ngôn ngữ, AI có thể gợi ý các cách diễn đạt khác nhau để hỏi giá, thương lượng hoặc xác nhận thông tin. Trên cơ sở đó, giáo viên cùng người học phân tích mức độ phù hợp của từng cách diễn đạt trong bối cảnh giao tiếp cụ thể, qua đó giúp người học điều chỉnh cách sử dụng ngôn ngữ.

Ví dụ này cho thấy Gen-AI có thể được tích hợp linh hoạt vào từng giai đoạn của nhiệm vụ giao tiếp mà không phá vỡ cấu trúc sư phạm của TBLT. Ngược lại, khi được đặt đúng vị trí, AI có thể làm phong phú thêm đầu vào ngôn ngữ, tăng cường tương tác và hỗ trợ phản hồi một cách có định hướng.

5.5. Ý nghĩa sư phạm của mô hình

Việc triển khai mô hình tích hợp Gen-AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp cho thấy một số hàm ý quan trọng đối với thực tiễn dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Thứ nhất, mô hình này giúp mở rộng môi trường giao tiếp của lớp học, tạo ra thêm nhiều cơ hội luyện nói cho người học. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh lớp học ngoại ngữ, nơi thời gian thực hành nói của từng cá nhân thường bị hạn chế.

Thứ hai, mô hình cho phép giáo viên đa dạng hóa các tình huống giao tiếp và nguồn đầu vào ngôn ngữ, từ đó làm cho hoạt động học tập trở nên linh hoạt, sinh động và gần với thực tế hơn. Trong dạy tiếng Việt, điều này có ý nghĩa đặc biệt bởi người học cần làm quen với nhiều bối cảnh giao tiếp gắn với đời sống và văn hóa Việt Nam.

Thứ ba, mô hình này cho thấy Gen-AI chỉ thực sự có giá trị trong phát triển kỹ năng nói khi được đặt trong một khung sư phạm có cấu trúc. Điều này đồng nghĩa với việc vai trò của AI không nằm ở khả năng thay thế giáo viên, mà ở khả năng hỗ trợ mở rộng môi trường tương tác, đa dạng hóa đầu vào ngôn ngữ và tăng cường phản hồi trong tiến trình thực hiện nhiệm vụ.

Ở cấp độ rộng hơn, mô hình góp phần kết nối giữa tiềm năng công nghệ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh và các nguyên lý sư phạm của dạy học dựa trên nhiệm vụ. Vì vậy, mô hình không chỉ có ý nghĩa thực tiễn đối với dạy tiếng Việt cho người nước ngoài mà còn gợi mở một hướng tiếp cận có thể được tiếp tục kiểm chứng và phát triển trong các nghiên cứu thực nghiệm sau này.

6. Thảo luận học thuật

6.1. Định vị mô hình trong bối cảnh nghiên cứu về AI và dạy học ngoại ngữ

Kết quả của nghiên cứu này cần được xem xét trong mối quan hệ với hai dòng nghiên cứu lớn hiện nay trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng: (i) nghiên cứu về dạy học dựa trên nhiệm vụ và (ii) nghiên cứu về ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là Gen-AI, trong dạy học ngoại ngữ.

Trong truyền thống TBLT, nhiều công trình đã nhấn mạnh vai trò trung tâm của tương tác, thương lượng nghĩa và việc sử dụng ngôn ngữ có mục đích trong quá trình phát triển năng lực giao tiếp (Ellis, 2003; Long, 2015). Các nghiên cứu này chủ yếu đặt người học trong các tình huống giao tiếp trực tiếp, nơi tương tác diễn ra giữa người học với nhau hoặc giữa người học và giáo viên. Trong khuôn khổ đó, môi trường lớp học được xem là không gian chính để tổ chức và duy trì hoạt động giao tiếp.

Trong khi đó, các nghiên cứu gần đây về Gen-AI trong giáo dục ngôn ngữ lại tập trung vào khả năng của công nghệ trong việc hỗ trợ người học thông qua các chức năng như tạo nội dung, cung cấp phản hồi hoặc mô phỏng hội thoại (Law, 2024; Li et al., 2024; Stockwell, 2024). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này tiếp cận AI như một công cụ hỗ trợ cá nhân, được sử dụng bên ngoài hoặc bên lề các hoạt động sư phạm chính. Ngay cả trong các nghiên cứu về chatbot, AI thường được triển khai như một đối tác hội thoại độc lập, chưa được tích hợp vào một cấu trúc dạy học có hệ thống.

Trong bối cảnh đó, mô hình được đề xuất trong nghiên cứu này có thể được định vị như một nỗ lực kết nối hai hướng tiếp cận còn tương đối tách biệt. Thay vì xem AI như một công cụ hỗ trợ riêng lẻ, nghiên cứu này đặt Gen-AI vào trung tâm của tiến trình nhiệm vụ giao tiếp, như một thành tố tham gia vào cả ba giai đoạn của TBLT: chuẩn bị, thực hiện và tập trung vào ngôn ngữ. Cách tiếp cận này cho phép mở rộng môi trường tương tác của TBLT vượt ra ngoài giới hạn của lớp học truyền thống, đồng thời vẫn duy trì được cấu trúc sư phạm của nhiệm vụ.

6.2. Đóng góp lý thuyết: Tái khái niệm hóa vai trò của AI trong TBLT

Một đóng góp quan trọng của nghiên cứu này nằm ở việc tái khái niệm hóa vai trò của trí tuệ nhân tạo trong dạy học ngoại ngữ. Trong nhiều nghiên cứu trước đây, AI thường được xem như một công cụ hỗ trợ, chủ yếu phục vụ các chức năng như cung cấp đầu vào ngôn ngữ hoặc phản hồi lỗi. Cách tiếp cận này đặt công nghệ ở vị trí bên ngoài tiến trình sư phạm, nơi AI hoạt động như một phương tiện hỗ trợ cho các hoạt động học tập.

Ngược lại, mô hình được đề xuất trong nghiên cứu này tiếp cận AI như một tác nhân tương tác được tích hợp trực tiếp vào cấu trúc của nhiệm vụ giao tiếp. Trong vai trò này, AI không chỉ cung cấp đầu vào ngôn ngữ mà còn tham gia vào việc duy trì tương tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ phản hồi sau giao tiếp. Điều này dẫn đến một sự chuyển dịch quan trọng: từ việc sử dụng công nghệ như một công cụ hỗ trợ sang việc tích hợp công nghệ như một thành tố chức năng trong hệ thống sư phạm.

Từ góc độ lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ, sự chuyển dịch này có ý nghĩa đặc biệt. Nếu trong các mô hình TBLT truyền thống, cơ hội tương tác phụ thuộc chủ yếu vào số lượng người học và thời gian lớp học, thì việc tích hợp AI cho phép mở rộng đáng kể mật độ tương tác và tần suất sử dụng ngôn ngữ. Người học có thể tham gia vào nhiều lượt hội thoại hơn, trong nhiều tình huống đa dạng hơn, từ đó gia tăng cơ hội thương lượng nghĩa và điều chỉnh diễn đạt. Như vậy, AI không thay thế tương tác người-người, mà bổ sung một kênh tương tác mới, góp phần làm phong phú môi trường học tập.

Bên cạnh đó, mô hình cũng làm rõ vai trò của AI trong việc hỗ trợ phản hồi ngôn ngữ. Thay vì chỉ cung cấp phản hồi mang tính sửa lỗi, AI trong mô hình này tham gia vào quá trình giúp người học chú ý đến hình thức ngôn ngữ sau khi đã trải qua hoạt động giao tiếp. Điều này phù hợp với quan

điểm cho rằng việc chú ý đến hình thức nên được đặt trong bối cảnh giao tiếp có ý nghĩa, thay vì tách rời khỏi hoạt động sử dụng ngôn ngữ.

6.3. Đóng góp phương pháp: Tích hợp AI vào toàn bộ tiến trình nhiệm vụ

Ngoài đóng góp lí thuyết, nghiên cứu này còn đóng góp ở cấp độ thiết kế sư phạm thông qua việc đề xuất một mô hình tích hợp AI vào toàn bộ tiến trình nhiệm vụ giao tiếp. Khác với các cách tiếp cận sử dụng AI ở một giai đoạn riêng lẻ, mô hình này phân bổ vai trò của AI tương ứng với từng giai đoạn của TBLT.

Ở giai đoạn chuẩn bị, AI được sử dụng để tạo bối cảnh và cung cấp đầu vào ngôn ngữ, giúp người học có nền tảng cần thiết trước khi tham gia tương tác. Ở giai đoạn thực hiện nhiệm vụ, AI đóng vai trò như một đối tác hội thoại hỗ trợ, góp phần duy trì và mở rộng tương tác. Ở giai đoạn tập trung vào ngôn ngữ, AI hỗ trợ phản hồi và gợi ý cách diễn đạt, trong khi giáo viên giữ vai trò điều chỉnh và định hướng.

Cách tổ chức này cho thấy AI không hoạt động như một thành tố độc lập, mà được tích hợp theo một logic sư phạm nhất quán. Điều này giúp tránh tình trạng sử dụng công nghệ một cách rời rạc, đồng thời bảo đảm rằng mọi hoạt động có sử dụng AI đều phục vụ mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp của người học.

6.4. Ý nghĩa đối với dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

Trong bối cảnh dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, mô hình được đề xuất có ý nghĩa đặc biệt. So với các ngôn ngữ phổ biến như tiếng Anh, môi trường học tiếng Việt thường thiếu các cơ hội tương tác phong phú ngoài lớp học. Điều này khiến việc phát triển kĩ năng nói trở nên khó khăn hơn, đặc biệt đối với người học ở trình độ trung cấp.

Việc tích hợp Gen-AI vào nhiệm vụ giao tiếp có thể góp phần khắc phục hạn chế này bằng cách tạo ra các tình huống giao tiếp mô phỏng, cho phép người học thực hành ngôn ngữ trong nhiều bối cảnh khác nhau. Đồng thời, AI có thể hỗ trợ người học làm quen với các yếu tố ngữ dụng đặc thù của tiếng Việt, chẳng hạn như cách xưng hô, mức độ lịch sự và các biểu thức tình thái.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng hiệu quả của AI phụ thuộc vào cách thức tích hợp vào mô hình sư phạm. Trong dạy tiếng Việt, nơi các yếu tố văn hóa và ngữ dụng đóng vai trò quan trọng, phản hồi của AI cần được giáo viên kiểm soát và điều chỉnh để bảo đảm tính phù hợp. Do đó, mô hình này không làm giảm vai trò của giáo viên, mà ngược lại, yêu cầu giáo viên tham gia tích cực hơn trong việc thiết kế và điều phối hoạt động học tập.

6.5. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Mặc dù mô hình được đề xuất dựa trên các cơ sở lí thuyết vững chắc, nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế. Trước hết, đây là một nghiên cứu mang tính khái niệm, cần áp dụng dữ liệu thực nghiệm để kiểm chứng hiệu quả của mô hình. Do đó, các kết luận về tác động của AI đối với phát triển kĩ năng nói cần được xem như những giả thuyết cần được kiểm chứng trong các nghiên cứu tiếp theo.

Thứ hai, mô hình hiện tại chủ yếu tập trung vào cấu trúc nhiệm vụ ở cấp độ lớp học, chưa xét đến các yếu tố rộng hơn như thiết kế chương trình, đào tạo giáo viên hoặc tích hợp công nghệ ở cấp độ hệ thống. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng triển khai mô hình trong thực tiễn.

Cuối cùng, việc sử dụng Gen-AI trong dạy học ngoại ngữ vẫn đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến độ chính xác của phản hồi, tính phù hợp ngữ dụng và khả năng kiểm soát nội dung. Trong bối cảnh dạy tiếng Việt, những vấn đề này cần được nghiên cứu sâu hơn để bảo đảm rằng việc tích hợp AI thực sự góp phần nâng cao chất lượng học tập.

7. Kết luận và hàm ý sư phạm

7.1. Kết luận

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo tạo sinh đã mở ra nhiều khả năng mới cho dạy học ngoại ngữ, đặc biệt trong việc hỗ trợ các hoạt động mang tính tương tác. Tuy nhiên, như đã phân tích, hiệu quả của công nghệ này không chỉ phụ thuộc vào bản thân công cụ mà phụ thuộc vào cách thức tích hợp vào các mô hình sư phạm có cấu trúc.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này đã đề xuất một mô hình tích hợp Gen-AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp theo hướng dạy học dựa trên nhiệm vụ nhằm phát triển kỹ năng nói tiếng Việt cho người nước ngoài. Điểm cốt lõi của mô hình là việc tích hợp AI vào toàn bộ tiến trình nhiệm vụ giao tiếp, bao gồm giai đoạn chuẩn bị, thực hiện và tập trung vào ngôn ngữ, thay vì sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ tách rời.

Mô hình được đề xuất không chỉ làm rõ vai trò của AI trong việc mở rộng đầu vào ngôn ngữ, duy trì tương tác và hỗ trợ phản hồi, mà còn xác lập mối quan hệ giữa công nghệ và các nguyên lý sư phạm của TBLT. Qua đó, nghiên cứu góp phần chuyển dịch cách tiếp cận từ “sử dụng công cụ AI” sang “thiết kế hoạt động học tập có tích hợp AI”.

Từ góc độ lý luận, nghiên cứu đóng góp bằng việc đề xuất một khung tích hợp có hệ thống giữa Gen-AI và dạy học dựa trên nhiệm vụ trong phát triển kỹ năng nói. Từ góc độ thực tiễn, mô hình cung cấp một cơ sở tham chiếu cho việc thiết kế các nhiệm vụ giao tiếp có sử dụng AI trong dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Qua đó, nghiên cứu góp phần tái khái niệm hóa vai trò của trí tuệ nhân tạo trong dạy học ngoại ngữ, từ một công cụ hỗ trợ sang một thành tố tích hợp trong cấu trúc nhiệm vụ giao tiếp.

7.2. Hàm ý sư phạm

Việc triển khai mô hình tích hợp Gen-AI trong thiết kế nhiệm vụ giao tiếp gợi mở một số hàm ý quan trọng đối với dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài.

Thứ nhất, việc sử dụng AI cần được đặt trong một tiến trình sư phạm rõ ràng, thay vì sử dụng như một công cụ bổ trợ rời rạc. Giáo viên cần xác định vai trò của AI trong từng giai đoạn của nhiệm vụ, từ chuẩn bị đầu vào đến duy trì tương tác và hỗ trợ phản hồi.

Thứ hai, AI có thể được khai thác như một phương tiện mở rộng môi trường giao tiếp. Thông qua các hệ thống hội thoại, người học có thể tham gia vào nhiều tình huống giao tiếp khác nhau, qua đó tăng tần suất thực hành nói và phát triển các chiến lược giao tiếp.

Thứ ba, việc tích hợp AI cần gắn với đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa của tiếng Việt. Các nhiệm vụ giao tiếp nên tạo điều kiện để người học thực hành các yếu tố ngữ dụng như xưng hô, mức độ lịch sự và biểu thức tình thái, thay vì chỉ tập trung vào cấu trúc ngôn ngữ.

Thứ tư, vai trò của giáo viên cần được duy trì như một yếu tố trung tâm trong quá trình dạy học. Giáo viên không chỉ thiết kế nhiệm vụ mà còn kiểm soát chất lượng đầu vào và phản hồi, đồng thời định hướng việc sử dụng AI một cách phù hợp với mục tiêu học tập.

7.3. Hướng nghiên cứu tiếp theo

Mặc dù mô hình được đề xuất trên cơ sở các phân tích lý thuyết, vẫn cần có các nghiên cứu tiếp theo để kiểm chứng và phát triển mô hình này trong thực tiễn.

Trước hết, các nghiên cứu thực nghiệm có thể được triển khai nhằm đánh giá hiệu quả của mô hình đối với các khía cạnh cụ thể của kỹ năng nói như độ lưu loát, khả năng tương tác và mức độ phù hợp ngữ dụng. Những nghiên cứu này sẽ giúp xác định rõ hơn giá trị sư phạm của việc tích hợp AI trong các nhiệm vụ giao tiếp.

Thứ hai, cần nghiên cứu sâu hơn về chất lượng phản hồi của AI trong bối cảnh dạy tiếng Việt, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến tính chính xác và tính phù hợp ngữ dụng. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc thiết kế các hoạt động tập trung vào ngôn ngữ trong mô hình.

Thứ ba, các nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng mô hình theo hướng tích hợp với các công nghệ khác như nhận dạng giọng nói hoặc phân tích phát âm, nhằm hỗ trợ phát triển các thành tố khác của kỹ năng nói.

Cuối cùng, việc khảo sát cách thức giáo viên và người học tương tác với AI trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giao tiếp cũng là một hướng nghiên cứu quan trọng, góp phần làm rõ vai trò của công nghệ trong môi trường học ngoại ngữ.

* Nhóm nghiên cứu tiềm năng Nghiên cứu ứng dụng AI trong lĩnh vực ngôn ngữ học và giáo dục ngôn ngữ (mã số 11-2025-NCTN) trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Đại học Công nghiệp Hà Nội trong quá trình thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ahmadian, M. J. (2016), Task-based language teaching and learning. *The Language Learning Journal*, 44(4), 377–380. <https://doi.org/10.1080/09571736.2016.1236523>.
2. Canale, M., & Swain, M. (1980), Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing. *Applied Linguistics*, 1(1), 1–47. <https://doi.org/10.1093/applin/I.1.1>.
3. Ellis, R. (2003), *Task-based language learning and teaching*. Oxford University Press.
4. Ellis, R. (2008), *The study of second language acquisition* (2nd ed.). Oxford University Press.
5. Hashemi, M., Azizinezhad, M., & Darvishi, S. (2012), Using task- based language teaching, learning practically in English classes. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 31, 526–529. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2011.12.098>.
6. Hellmich, E. A., Vinall, K., Brandt, Z. M., Chen, S., & Sparks, M. M. (2024), ChatGPT in language education: Centering learner voices. *Technology in Language Teaching & Learning*, 6(3). <https://doi.org/10.29140/tltl.v6n3.1741>.
7. Law, L. (2024), Application of generative artificial intelligence (GenAI) in language teaching and learning: A scoping literature review. *Computers & Education Open*, 6, 100174. <https://doi.org/10.1016/j.caeo.2024.100174>.
8. Li, B., Lowell, V., Wang, C., & Li, X. (2024), A systematic review of the first year of publications on ChatGPT and language education: Examining research on ChatGPT's use in language learning and teaching. *Computers & Education: Artificial Intelligence*, 7, 100266. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2024.100266>.
9. Long, M. H. (1983), Native speaker/non-native speaker conversation and the negotiation of comprehensible input. *Applied Linguistics*, 4(2), 126–141. <https://doi.org/10.1093/APPLIN/4.2.126>.
10. Long, M. (2015), *Second language acquisition and task-based language teaching*. Wiley-Blackwell.
11. Nunan, D. (2004), *Task-based language teaching*. Cambridge University Press.

12. Prabhu, N. S. (1987), *Second language pedagogy*. Oxford University Press.
13. Samuda, V. & Bygate, M. (2008), *Tasks in second language learning*. Palgrave Macmillan.
14. Stockwell, G. (2024), ChatGPT in language teaching and learning: Exploring the road we're travelling. *Technology in Language Teaching & Learning*, 6(1). <https://doi.org/10.29140/tltl.v6n1.2273>.
15. Willis, J. (1996), *A framework for task-based learning*. Longman.

**Integrating generative Artificial Intelligence into communicative tasks
for developing Vietnamese speaking skills**

Abstract: Recent advances in generative artificial intelligence (GenAI) have opened new possibilities for language education, particularly in supporting interactive learning environments. However, most existing studies focus on writing support and vocabulary learning, while the potential of AI for developing speaking skills remains underexplored. This paper proposes a pedagogical model integrating gen-AI into task-based speaking activities for teaching Vietnamese as a foreign language (VFL). Drawing on principles of Task-Based Language Teaching (TBLT), the model incorporates AI into three stages of task implementation: pre-task preparation, task performance, and language focus. The study highlights how AI can expand opportunities for communicative practice while maintaining the central role of teachers in guiding classroom interaction.

Key words: Generative artificial intelligence (gen-AI); task-based language teaching; speaking skills development; Vietnamese as a foreign language; communicative tasks.